

Bản án số: 176/2018/DS-PT

Ngày: 28, 30 – 11 – 2018

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản
và Tranh chấp Hợp đồng tặng cho tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuần.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường, bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên toà: ông Cao Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28, 30/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2018/TLPT – DS ngày 28/8/2018 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” và “Tranh chấp Hợp đồng tặng cho tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2018/QĐXX-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018 và quyết định tạm ngưng phiên toà ngày 28/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 có mặt

Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1978 có mặt

Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Mạnh Sơn H, sinh năm 1968 có mặt; bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 có mặt; chị Mạnh Thị Th T, sinh năm 1995 vắng mặt; anh Mạnh Văn H1, sinh;

năm 1987 có mặt; chị Trần Thị Thùy D1, sinh năm 1989 có mặt; chị Mạnh Thị Hồng V, sinh năm 1990 vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2.2. Bà Mạnh Thị Thu H2, sinh năm 1986 có mặt

Địa chỉ: Thôn 3, xã C1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Trần Đ, sinh năm 1949 vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Mỹ D 1978, có mặt

Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

3.2. Văn phòng công chứng Nguyễn Bá K.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Bá K vắng mặt

Địa chỉ: 85 Nguyễn Chí Th, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Anh Nguyễn T1, sinh năm 1982, có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3.4. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981, có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Người kháng cáo: Ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, bà Mạnh Thị Th T, ông Mạnh Văn H1, bà Trần Thị Thùy D1, bà Mạnh Thị Hồng V, bà Mạnh Thị Thu H2 là bị đơn.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D trình bày:

Trước tháng 02/2018, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đ (gọi tắt là vợ chồng bà L) nhiều lần cho ông Mạnh Sơn H và bà Nguyễn Thị B (gọi tắt là vợ chồng bà B) vay tiền. Ngày cuối của tháng 02/2018 (ngày 28/02/2018), vợ chồng bà L cho vợ chồng bà B vay 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng), do không kiểm tra lại sau khi bà B viết giấy mượn tiền và ký nhận nên bà B đã ghi “Giấy mượn tiền” vào

ngày 30/02/2018 (thực tế không có ngày 30/02/2018) và hẹn ngày 20/3/2018 sẽ trả tiền gốc cũng như lãi suất với mức 2%/tháng, tuy nhiên trong giấy mượn tiền nêu trên không ghi thỏa thuận về lãi suất. Phía dưới phần người mượn có chữ ký chữ viết mang tên Nguyễn Thị B là do bà B viết, ký nhận.

Chị Trần Thị Thùy D1 là con dâu của vợ chồng bà B và là vợ của anh Mạnh Văn H. Ngày 02/3/2018, bà B điện thoại hỏi vay tiền bà Nguyễn Thị L và nói con dâu là chị D1 sang nhận tiền vay 400.000.000đ. Khi nhận tiền, chị D1 viết “Giấy mượn tiền”, ký nhận và hẹn 03 ngày sau sẽ trả.

Đến hẹn, nhiều lần yêu cầu nhưng bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Mặt khác, ngày 27/3/2018 vợ chồng bà B đã tẩu tán tài sản nhằm lẩn tránh nghĩa vụ trả nợ, bằng hình thức lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của thửa đất số 56 tờ bản đồ số 01 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho chị Mạnh Thị Th T và tặng cho thửa đất số 14 tờ bản đồ số 16 tại xã C1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho chị Mạnh Thị Thu H2. Vợ chồng bà B cùng các con xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là vi phạm pháp luật, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà L. Do vậy, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà B có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ gốc 2.500.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật; buộc vợ chồng bà B cùng chị Trần Thị Thùy D1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ gốc 400.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật; tuyên hủy “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” lập ngày 27/3/2018 giữa ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B với chị Mạnh Thị Th T, liên quan đến việc tặng cho thửa đất số 56 tờ bản đồ số 01 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tuyên hủy “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” lập ngày 27/3/2018 giữa ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, anh Mạnh Văn H, chị Mạnh Thị Hồng V, chị Mạnh Thị Th T với chị Mạnh Thị Thu H2, liên quan đến việc tặng cho thửa đất số 14 tờ bản đồ số 16 tại xã C1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bà L không đề nghị Tòa án tuyên hủy giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những thửa đất đã được cấp quyền sử dụng đất cho chị Mạnh Thị Thu H2, chị Mạnh Thị Th T. Tuy nhiên, bà đề nghị Tòa án kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi, hủy giá trị đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Mạnh Thị Thu H2, chị Mạnh Thị Th T. Bà L yêu cầu duy trì các biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án đã áp dụng.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Từ năm 2016 giữa tôi với bà Nguyễn Thị L có cho vay mượn nhiều lần, tiền vay của bà L thì bà B cho bà V mượn lại để lấy chênh lệch lãi suất, vay xong rồi trả.

Đến tháng 2/2018 bà B có mượn của bà L số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), khi vay tôi có viết giấy biên nhận tiền và ký tên dưới giấy biên nhận tiền lập ngày 30/02/2018, khi vay chỉ có một mình bà B vay, ông H không biết việc tôi vay tiền của bà L bởi vì bà B vay tiền để đưa cho bà V lấy lãi chênh lệch. Ngày 02/3/2018 bà B có gọi điện thoại cho bà L hỏi vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), hẹn 03 ngày sau sẽ trả, bà L đồng ý thì bà B có nói con dâu là Trần Thị Thùy D2 sang lấy tiền và ký nhận vào giấy vay tiền chứ con dâu bà B không có vay của bà L khoản tiền này.

Vào ngày 27/3/2018 vợ chồng bà B (B, H) có làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất của thửa đất số 56, tờ bản đồ số 01 tại xã E, tỉnh Đắk Lắk cho con là Mạnh Thị Th T; cùng ngày ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, Mạnh Văn H1, Mạnh Thị Hồng V, Mạnh Thị Th T làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 14, tờ bản đồ số 16 tại xã C1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho Mạnh Thị Thu H2. Việc tặng cho hai lô đất trên là hợp pháp, đúng trình tự pháp luật.

*** Quá trình tố tụng bị đơn ông Mạnh Sơn H trình bày:**

Việc vay mượn giữa vợ ông H (bà B) với bà L thì ông H không biết, sau này khi bà L khởi kiện tại Tòa án ông H mới biết việc vay mượn trên do đó ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật tạo điều kiện cho ông H có nhà ở để làm ăn sinh sống.

Vào ngày 27/3/2018 vợ chồng ông H (B, H) có làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất của thửa đất số 56, tờ bản đồ số 01 tại xã E, tỉnh Đắk Lắk cho con là Mạnh Thị Th T; cùng ngày ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, Mạnh Văn H, Mạnh Thị Hồng V, Mạnh Thị Th T làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 14, tờ bản đồ số 16 tại xã C1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho Mạnh Thị Thu H2. Việc tặng cho hai lô đất trên là hợp pháp, đúng trình tự pháp luật.

*** Quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị Thùy D1 trình bày:**

Chị D1 là con dâu của ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B. Vào ngày 02/3/2018 vì có chút việc riêng gần nhà bà L nên bà Nguyễn Thị B có gọi điện nói chị D1 qua nhà bà L lấy số tiền vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) cho bà B. Khi nhận tiền thì bà L có bắt chị D1 ký vào giấy vay tiền với tư cách người làm chứng. Việc vay số tiền 400.000.000 đồng là do bà B vay, chị D1 chỉ là người chuyển dùm tiền giữa hai người.

*** Quá trình tố tụng bị đơn bà Mạnh Thị Thu H2 trình bày:**

Chị H2 là con của ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B. Vào ngày 27/3/2018 ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, Mạnh Văn H1, Mạnh Thị Hồng V, Mạnh Thị Th T làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 14, tờ bản đồ số 16 tại xã C1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho Mạnh Thị Thu H. Việc tặng cho lô đất trên là hợp pháp, đúng trình tự pháp luật.

Do đó đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đ trình bày:** Ông Đ đồng ý với lời khai, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, do vậy ông Đ không bổ sung lời khai.

*** Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Bá K trình bày:** Ngày 27/3/2018, Văn phòng công chứng Nguyễn Bá K nhận được yêu cầu công chứng 02 hợp đồng nêu trên, khi thực hiện công chứng văn phòng đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, do vậy đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án DSST số 15/2018/DS-ST ngày 24/7/2018 của TAND huyện C đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 6; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 161; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 122; khoản 2 Điều 124; Điều 288; Điều 407; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Mạnh Sơn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Trần Đ số tiền **2.585.075.000đ** (Hai tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc 2.500.000.000đ và tiền lãi suất 85.075.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Mạnh Sơn H cùng chị Trần Thị Thùy D1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Trần Đ số tiền **423.252.000đ**

(Bốn trăm hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc 400.000.000đ và tiền lãi suất 23.252.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

Tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” lập ngày 27/3/2018 giữa ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B với chị Mạnh Thị Th T, liên quan đến việc tặng cho quyền sử dụng của thửa đất số 56 tờ bản đồ số 01 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là vô hiệu.

Tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” lập ngày 27/3/2018 giữa ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, anh Mạnh Văn H1, chị Mạnh Thị Hồng V, chị Mạnh Thị Th T với chị Mạnh Thị Thu H2, liên quan đến việc tặng cho quyền sử dụng của thửa đất số 14 tờ bản đồ số 16 tại xã C1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là vô hiệu.

Kiến nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi, hủy giá trị pháp lý đối với phần thay đổi và cơ sở pháp lý tại mục IV những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 817831 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 03/11/2014 và phục hồi quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 817831 cấp cho ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B.

Kiến nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi, hủy giá trị pháp lý đối với phần những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận, cụ thể: “Tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Mạnh Thị Thu H2, sinh năm 1986. Chứng minh nhân dân số 240 930 498. Thường trú tại phường E, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk. Theo hồ sơ: TA.003” trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 377395 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/8/2002 và phục hồi quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 377395 cấp cho hộ ông Mạnh Sơn H.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2018/QĐ-BPKCTT ngày 29/3/2018; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 30/3/2018; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2018/QĐ-BPKCTT ngày 30/3/2018 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2018/QĐ-BPKCTT ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện CưM’gar.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tạm ứng án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự

Ngày 01/8/2018, đồng bị đơn ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, bà Mạnh Thị Th T, ông Mạnh Văn H1, bà Trần Thị Thùy D1, bà Mạnh Thị Hồng V, bà Mạnh Thị Thu H2 đã kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo hướng hủy toàn bộ bản án;

Ngày 06/8/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về việc đề nghị Tòa án cấp phúc phẩm xem xét xác định lại về việc ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B liên đới trả nợ khoản tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) và lãi suất; ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, chị Trần Thị Thùy D1 liên đới trả nợ khoản tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và lãi suất; Về án phí dân sự sơ thẩm Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về tuyên bố 02 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là vô hiệu nhưng Toà cấp sơ thẩm không buộc ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, anh Mạnh Văn H1, chị Mạnh Thị Hồng V, chị Mạnh Thị Th T với chị Mạnh Thị Thu H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bà Mạnh Thị Thu H2 khai nhận vợ chồng bà H2 đã quản lý sử dụng thửa đất từ năm 2008 cho đến nay, đây là tình tiết mới tại phiên tòa, việc cấp sơ thẩm không đưa chồng bà Mạnh Thị Thu H2 vào tham gia tố tụng là còn thiếu sót; Phía bị đơn cho rằng thửa đất số 121, tờ bản đồ số 22, diện tích 3.010m² tọa lạc tại Thôn 3, xã E, huyện C đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn T1 và chị Nguyễn Thị Th từ năm 2010 trên thực tế các bên chỉ làm giấy viết tay, các bên đã giao nhận tiền và anh Nguyễn T1 và chị Nguyễn Thị Th đã làm nhà ở trên đất. Nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên ông H bà B, lý do chưa sang tên đổi chủ là do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm khẳng định:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Về nội dung:

Kháng Nghị:

Không đưa ông Mạnh Sơn H có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị B trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L số tiền 2.500.000.000đ và lãi suất

Không đưa chị Trần Thị Thuý D1 có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị B, ông Mạnh Sơn H trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L số tiền 400.000.000đ và lãi suất.

Toà sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc huỷ 02 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không buộc các bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch theo khoản 1 Điều 147 của BLTTDS.

Tại phiên toà các bị đơn khai đã bán thửa đất hơn 3.010m² cho anh Nguyễn T1 và chị Nguyễn Thị Th từ năm 2010 nhưng toà cấp sơ thẩm không thẩm định tài sản, không đưa họ vào tham gia là vi phạm tố tụng.

Các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản với ngân hàng Á châu nhưng cấp sơ thẩm không đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng vào tham gia là vi phạm tố tụng

Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát; Căn cứ khoản 2 Điều 310 của Bộ luật TTDS huỷ bản án dân sự số 15/2018/DS-ST ngày 24/7/2018 của TAND huyện C, giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện C để giải quyết lại theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Xét kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đối với khoản vay 2.500.000.000 đồng giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị B có lập giấy vay tiền đề ngày 30/02/2018 (Thực chất vay ngày 28/02/2018) thể hiện bà B có vay của vợ chồng bà L số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), hạn đến ngày 20/3/2018 sẽ trả, phía dưới phần người vay có chữ ký của bà Nguyễn Thị B. Việc vay số tiền trên được bà B, bà L thừa nhận. Mặt khác tại Kết luận số 62/PC54 ngày 27/5/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị B dưới mục người vay là do bà B ký và viết ra.

[2] Đối với khoản vay 400.000.000 đồng, giấy vay tiền đề ngày 02/3/2018 thể hiện chị D1 vay của vợ chồng bà L số tiền 400.000.000 đồng và hạn 03 ngày sau sẽ

trả, phía dưới phần người vay có chữ viết mang tên Trần Thị Thùy D1. Việc vay số tiền trên được bà Nguyễn Thị B thừa nhận, tuy nhiên chị D1 cho rằng việc vay số tiền trên không phải do chị D1 mượn, chị D1 chỉ là người chuyển tiền giúp cho bà B. Tại biên bản đối chất tại Tòa án bà L thừa nhận bà B là người gọi điện thoại mượn tiền, chị D1 chỉ là người đến nhận thay cho bà B. Như vậy chị D1 không là người sử dụng, định đoạt, thụ hưởng chung số tiền 400.000.000 đồng với bà B, do đó không có căn cứ buộc chị Trần Thị Thùy D1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên.

[3] Đối với việc cấp sơ thẩm xác định ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B liên đới trả số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) + 85.075.000 đồng tiền lãi; ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, chị Trần Thị Thùy D1 liên đới trả số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) + 23.252.000 đồng tiền lãi thì thấy: Tại biên bản đối chất lập ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thể hiện việc vay số tiền 2.500.000.000 đồng lập ngày 30/02/2018 thể hiện chỉ có một mình bà B vay; Vay số tiền 400.000.000 đồng cũng chỉ một mình bà B vay, có chị D1 ký nhận vào giấy vay;

Sau khi lấy tiền của bà L thì bà B cho bà V vay để lấy tiền lãi chênh lệch, ông H không biết việc vay tiền trên. Mặc dù ông Mạnh Sơn H cho rằng không biết việc vay, không ký nhận vào hai khoản tiền trên. Tuy nhiên, trước đó vợ chồng bà L đã nhiều lần cho bà B vay tiền và vay tiền đều được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà B, việc làm ăn, vay mượn thường xuyên giữa bà L với bà B. Mặt khác ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B cùng các con đang sinh sống trong cùng một nhà, việc bà B vay số tiền lớn thì ông Mạnh Sơn H biết và phải biết việc vay mượn của bà Nguyễn Thị B. Do đó cấp sơ thẩm căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình để buộc ông Mạnh Sơn H liên đới trả nợ hai khoản nợ trên và tiền lãi là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đối với hai hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 27/3/2018 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Bá K, đối tượng tặng cho là bất động sản và hai hợp đồng đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về mặt nội dung của hợp đồng là giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ ba là có cơ sở. Bởi lẽ cuối tháng 02/2018 bà Nguyễn Thị B vay của bà Nguyễn Thị L 2.500.000.000đ hạn 20 ngày sau sẽ trả, tiếp đến ngày 02/3/2018 tiếp tục vay 400.000.000đ hạn 03 ngày sau sẽ trả. Khi đến hạn bà Nguyễn Thị L đã yêu cầu bà Nguyễn Thị B, ông Mạnh Sơn H và chị Trần Thị Thùy D1 trả nợ nhưng bà B, ông H và chị D1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Khi bà

Nguyễn Thị L cho gia đình bà Nguyễn Thị B vay số tiền lớn như vậy vì biết gia đình bà Nguyễn Thị B có tài sản và có khả năng thanh toán. Mặt khác gia đình bà Nguyễn Thị L, ông Trần Đ xác lập quan hệ vay mượn nhiều lần với gia đình bà Nguyễn Thị B, ông Mạnh Sơn H từ năm 2016 đến tháng 3 năm 2018, trong khi đó ông Mạnh Sơn H cùng sinh sống trong gia đình, cũng đã chứng kiến việc gia đình bà Nguyễn Thị L đến đề yêu cầu thanh toán các khoản nợ khi đến hạn điều đó thể hiện ông Mạnh Sơn H biết và đương nhiên phải biết việc vay mượn của bà Nguyễn Thị B với bà Nguyễn Thị L.

Ngày 27/3/2018, vợ chồng bà B cùng các con lại xác lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trong khi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà L. Việc vợ chồng bà B tặng cho các con quyền sử dụng đất diễn ra sau khi vợ chồng bà B nhận tiền vay và đến hạn trả nợ nhưng cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Ngay cả trong thực tế, sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng tất cả các bị đơn đều chống đối, lẩn tránh, không hợp tác và đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vậy, có đủ căn cứ để khẳng định các bị đơn xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” lập ngày 27/3/2018 giữa ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B với chị Mạnh Thị Th T, liên quan đến việc tặng cho quyền sử dụng của thửa đất số 56 tờ bản đồ số 01 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là vô hiệu; tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” lập ngày 27/3/2018 giữa ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, anh Mạnh Văn H1, chị Mạnh Thị Hồng V, chị Mạnh Thị Th T với chị Mạnh Thị Thu H2, liên quan đến việc tặng cho quyền sử dụng của thửa đất số 14 tờ bản đồ số 16 tại xã C1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là vô hiệu là phù hợp với quy định tại Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 122; khoản 2 Điều 124; khoản 1 Điều 131 và Điều 407 Bộ luật dân sự.

[5] Quá trình giải quyết vụ án chị Mạnh Thị Thu H2 khai nhận vợ chồng chị H2 đã quản lý sử dụng thửa đất từ năm 2008 cho đến nay; Việc cấp sơ thẩm không đưa chồng chị Mạnh Thị Thu H2 vào tham gia tố tụng là còn thiếu sót; Phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng thửa đất số 121, tờ bản đồ số 22, diện tích 3.010m² tọa lạc tại Thôn 3, xã E, huyện C đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn T1 và chị Nguyễn Thị Th từ năm 2010, trên thực tế các bên chỉ làm giấy viết tay, các bên đã giao nhận tiền và anh Nguyễn T1 và chị Nguyễn Thị Th đã làm nhà ở trên đất. Nhưng giấy chứng nhận vẫn đứng tên ông H, bà B, lý do chưa sang tên đổi chủ là do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng

đây là tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, cần phải điều tra làm rõ thêm mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được.

[6] Về hậu quả pháp lý:

Tại phiên tòa các bị đơn khai

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” lập ngày 27/3/2018 giữa ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B với chị Mạnh Thị Th T, liên quan đến việc tặng cho quyền sử dụng của thửa đất số 56 tờ bản đồ số 01 tại xã E, huyện C trên đất trồng cà phê các bên chỉ làm hợp đồng tặng cho nhưng chị Mạnh Thị Th T đang đi học tại TP. H, vợ chồng ông Mạnh Sơn H bà Nguyễn Thị B vẫn đang canh tác sử dụng chưa chuyển giao cho chị Mạnh Thị Thuý T nên cần xác định hậu quả không có.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” lập ngày 27/3/2018 giữa ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, anh Mạnh Văn H1, chị Mạnh Thị Hồng V, chị Mạnh Thị Th T với chị Mạnh Thị Thu H2, liên quan đến việc tặng cho quyền sử dụng của thửa đất số 14 tờ bản đồ số 16 tại xã C1, huyện C, chị Mạnh Thị Thu H2 và các bị đơn khai vợ chồng chị Mạnh Thị Thu H2 đã tiếp quản, sử dụng từ năm 2008 đến nay nhưng cấp sơ thẩm chưa xác minh, thẩm định, giải quyết việc tôn tạo, chăm sóc vườn cây để có cơ sở ưu tiên công sức tôn tạo, chăm sóc khi thi hành án;

[7] Đối với hai hợp đồng thế chấp tài sản ngày 30/3/2018 giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Mạnh Sơn H với Ngân hàng TMCP G Chi nhánh Đắk Lắk, Phòng giao dịch Q chưa đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Hợp đồng chưa hoàn tất) thì đã được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên huỷ hai hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không tính án phí không có giá ngạch dân sự sơ thẩm là có thiếu sót.

[9] Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên duy trì các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi bản án chưa có hiệu lực là có cơ sở nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ bị huỷ bỏ theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự là có thiếu sót.

[10] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, HĐXX xét thấy cần chấp nhận việc không đưa chị Trần Thị Thuý D1 phải liên đới trả nợ và phải tính án phí đối với việc chấp nhận đơn khởi kiện mà không tính án phí DSST; không chấp việc không buộc ông Mạnh Sơn H liên đới cùng với bà Nguyễn Thị B trả nợ cho bà Nguyễn Thị L.

Chấp nhận đề nghị của VKSND tỉnh Đắk Lắk về việc huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2018/DSST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C để giải quyết lại theo thẩm quyền.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về Tố tụng:

- Cấp sơ thẩm có quyết định nhập vụ án nhưng chỉ xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là chưa đúng.

- Cấp sơ thẩm ban hành các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng không xác minh, thẩm định về sự quản lý, sử dụng và các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là chưa bảo đảm giải quyết toàn diện vụ án.

Về nội dung:

- Tại cấp sơ thẩm các bị đơn không tham gia tố tụng; tại phiên toà phúc thẩm các bị đơn khai ra các tình tiết mới mà tại phiên toà phúc thẩm không khắc phục được nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk; không chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc chị Trần Thị Thuỳ D1 có trách nhiệm liên đới cùng với bà Nguyễn Thị B và ông Mạnh Sơn H trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 400.000.000 đồng và lãi suất.

[11] Về án phí: Do huỷ bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Chấp nhận một phần quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DSST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Về án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo và một phần kháng nghị của Viện trưởng VKS huyện C nên các bị đơn ông Mạnh Sơn H, bà Nguyễn Thị B, bà Mạnh Thị Th T, ông Mạnh Văn H1, bà Trần Thị Thùy D1, bà Mạnh Thị Hồng V, bà Mạnh Thị Thu H2 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; hoàn trả mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006740; 0006700; 0006752; 0006751; 0006753; 0006755 và 0006754 ngày 02/8/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA huyện C
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuận